

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 43/2022/DS-ST

Ngày 04 tháng 5 năm 2022

V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quốc Dũng

2. Bà Đặng Thị Mỹ Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2021/TLST-DS, ngày 15 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2022/QĐST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q.

Trụ sở: phường N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật: Ông Hàn Ngọc V1 – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ - Khối Ngân hàng Bán lẻ Q. Văn bản ủy quyền ngày 04/01/2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Q.

Người được ủy quyền lại:

1. Ông Lê Huy A - Cán bộ Ngân hàng TMCP Q. Vắng mặt.

2. Ông Đặng Bửu Đ - Cán bộ Ngân hàng TMCP Q. Có mặt.

3. Ông Hà Văn C - Cán bộ Ngân hàng TMCP Q. Vắng mặt.

Văn bản ủy quyền ngày 23/02/2022 của Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ - Khối ngân hàng bán lẻ Q.

Địa chỉ liên hệ: phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Phước V, sinh năm 1983.

Địa chỉ: phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Đặng Bửu Đ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 Ngân hàng Q chi nhánh An Giang (sau đây gọi là Ngân hàng) và ông Lê Phước V ký Hợp đồng tín dụng số 9695088.19, với nội dung: Số tiền giải ngân: 495.000.000đ (Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng); Mục đích giải ngân: Mua ô tô tiêu dùng; Thời hạn vay: 84 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,7%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi, chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi trên lãi suất sẽ điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,1%/năm. Trả khoản vay gốc vào ngày 25 hàng tháng, trả trong 84 tháng, 83 tháng đầu mỗi tháng trả 5.900.000đ, tháng cuối trả 5.300.000đ. Kỳ trả vốn gốc đầu tiên vào ngày 25/9/2019; trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 25/9/2019.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, ngày 23/8/2019 Ngân hàng đã giải ngân cho ông Lê Phước V theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 9695088(1).19, ngày 23/8/2019 với số tiền 495.000.000 đồng.

Ngày 04/9/2019 ông Lê Phước V có Đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành Thẻ tín dụng cho ông V với hạn mức tín dụng 25.000.000 đồng; Loại thẻ: MC STDVIB; Mục đích vay: Tiêu dùng; Lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, do ông V vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng nhiều lần yêu cầu ông V tắt toán nợ, nhưng ông V vẫn không thực hiện. Sau đó, Ngân hàng không còn liên lạc được với ông V.

Tính đến ngày 04/5/2022 ông Lê Phước V đã thanh toán cho Ngân hàng được 40.029.052 đồng. Trong đó: Thanh toán nợ gốc được 23.700.000 đồng; Thanh toán nợ lãi được 16.329.052 đồng.

Tạm tính đến ngày 04/5/2022 ông Lê Phước V còn nợ Ngân hàng 811.059.366 đồng. Trong đó: Nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 9695088.19, ngày 23/8/2019 là: 471.300.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 7.463.826 đồng; Nợ lãi quá hạn: 185.716.733 đồng; Nợ thẻ: 146.578.807 đồng. Trong đó: Vốn gốc: 24.742.400 đồng; Nợ lãi: 18.530.926 đồng; Phí thẻ: 103.305.481 đồng.

Do ông Lê Phước V vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi nên Ngân hàng yêu cầu ông V trả cho Ngân hàng nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 04/5/2022 là 811.059.366 đồng. Yêu cầu ông V tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 05/5/2022 theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký trên sổ dư nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

Đối với Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 5430093.19, ngày 23/8/2019 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng và bên thế chấp là ông Lê Phước V, Ngân hàng không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Phước V là bị đơn mặc dù được niêm yết các bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa ông V tiếp tục vắng mặt không c

* Đại diện Viện kiểm sát Tp. Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thủ tục tổng đạt thực hiện đúng quy định tại Điều 171, 175, 177, 179 BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

* Ý kiến về nội dung vụ án: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông Lê Phước V trả nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 04/5/2022 là 811.059.366 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong.

Đối với Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 5430093.19, ngày 23/8/2019, nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Lê Phước V. Ông V cư trú tại phường M, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Công an phường M ngày 03/11/2021 thể hiện: Đương sự Lê Phước V, sinh năm 1983 đăng ký thường trú tại khóm B2, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

[1.3]. Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Phước V.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Ngày 23/8/2019 ông Lê Phước V ký Hợp đồng tín dụng số: 9695088.19 để vay 495.000.000đ (Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng); Mục đích giải ngân: Mua ô tô tiêu dùng; Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,7%/năm, được áp dụng trong 12 tháng đầu. Sau đó, lãi suất sẽ điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,1%/năm. Ngày 23/8/2019 Ngân hàng đã giải ngân cho ông Lê Phước V theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 9695088(1).19, ngày 23/8/2019 với số tiền 495.000.000 đồng.

[2.2]. Ngày 04/9/2019 ông Lê Phước V có Đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành Thẻ tín dụng cho ông V với hạn mức tín dụng 25.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, do ông V vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng nhiều lần yêu cầu ông V tắt toán nợ, nhưng ông V vẫn không thực hiện. Sau đó, Ngân hàng không còn liên lạc được với ông V. Tính đến ngày 04/5/2022 ông V thanh toán cho Ngân hàng được 40.029.052 đồng. Trong đó: Thanh toán nợ gốc 23.700.000 đồng; Thanh toán nợ lãi 16.329.052 đồng.

[2.3]. Tạm tính đến ngày 04/5/2022 ông Lê Phước V còn nợ Ngân hàng 811.059.366 đồng. Trong đó: Nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 9695088.19, ngày 23/8/2019 là: 471.300.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 7.463.826 đồng; Nợ lãi quá hạn: 185.716.733 đồng; Nợ thẻ: 146.578.807 đồng, gồm vốn gốc: 24.742.400 đồng; Nợ lãi: 18.530.926 đồng; Phí thẻ: 103.305.481 đồng. Do ông Lê Phước V vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi nên Ngân hàng yêu cầu ông V trả cho Ngân hàng nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 04/5/2022 là 811.059.366 đồng. Yêu cầu ông V tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 05/5/2022 theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký trên sổ dư nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

[2.4]. Đối với Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 5430093.19, ngày 23/8/2019 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng và bên thế chấp là ông Lê Phước V, Ngân hàng không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Qua lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông V vẫn vắng mặt, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ có liên quan nhằm phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là ông V đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông V vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án thực hiện niêm yết cho ông V thông báo về kết quả phiên kiểm

tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ấn định thời hạn cho ông V nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ hoặc yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ, yêu cầu triệu tập đương sự, người tham gia tố tụng khác khi giải quyết vụ án. Nhưng hết thời hạn ấn định, ông V vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp và cũng không cung cấp hoặc yêu cầu gì như nội dung thông báo đã thể hiện. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số: 9695088.19; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9695088(1).19, ngày 23/8/2019; Đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản giữa Ngân hàng với ông Lê Phước V để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông Lê Phước V trả vốn và lãi tạm tính đến ngày 04/5/2022 là 811.059.366 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 471.300.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 7.463.826 đồng; Nợ lãi quá hạn: 185.716.733 đồng; Nợ thẻ: 146.578.807 đồng, yêu cầu ông V tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 05/5/2022 theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký trên sổ dư nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong, như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn xác định chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết Hợp đồng thế chấp tài sản số 5430093.19, ngày 23/8/2019 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng và bên thế chấp là ông Lê Phước V.

Xét, Hợp đồng thế chấp phươg tiện vận tải số: 5430093.19, ngày 23/8/2019 là để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của bị đơn, tuy nhiên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết Hợp đồng thế chấp tài sản trên. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng phù hợp quy định khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự quy định đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, nên được Tòa án chấp nhận và chỉ thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của Ngân hàng.

[5] Về án phí: Ông Lê Phước V phải chịu 36.332.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng được nhận lại 15.040.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 5; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với ông Lê Phước V.

1.1. Buộc ông Lê Phước V chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 04/5/2022 là 811.059.366đ (Tám trăm mười một triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, ba trăm sáu mươi sáu đồng).

1.2. Đối với Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 5430093.19, ngày 23/8/2019 giữa Ngân hàng và ông Lê Phước V chưa xem xét giải quyết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lê Phước V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông V vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Lê Phước V phải chịu 36.332.000đ (Ba mươi sáu triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Q được nhận lại 15.040.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000667, ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa